TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh TNTX chuyển khẩu áp dụng từ đầu năm 2025 đến hết 2029

15:16 15/10/2024

Cụ thể về Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tải xuất, chuyển khẩu, áp dụng từ đầu năm 2025 đến hết năm 2029, theo quy định tại Thông tư 18/2024/TT-BCT...

Ngày 08/10/2024, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 18/2024/TT-BCT quy định về danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu áp dụng từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2029.

1. Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu

Theo Điều 3 Thông tư 18/2024/TT-BCT Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu tại **Phụ lục** kèm theo Thông tư 18/2024/TT-BCT, không áp dụng đối với trường hợp kinh doanh chuyển khẩu theo hình thức hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu, không qua cửa khẩu Việt Nam.

2. Nguyên tắc sử dụng Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu

Nguyên tắc sử dụng Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu tại **Phụ lục** kèm theo Thông tư 18/2024/TT-BCT, gồm những nội dung sau đây:

(i) Trường hợp chỉ liệt kê mã 2 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc Chương này đều được áp dụng.

(ii) Trường hợp chỉ liệt kê mã 4 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc nhóm 4 số này đều được áp dụng.

(iii) Trường hợp chỉ liệt kê mã 6 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc phân nhóm 6 số này đều được áp dụng.

(iv) Trường hợp mã 3919, 3920, 3921, 3923.21, 3923.29 thuộc Danh mục này chỉ áp dụng đối với hàng hóa đã qua sử dụng.

(Phụ lục kèm theo Thông tư 18/2024/TT-BCT)

Tải về **Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn [cập nhật ngày 29/08/2024]**

Tải về **Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu theo Thông tư 18/2024/TT-BCT**



Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tải xuất, chuyển khẩu áp dụng từ đầu năm 2025 đến hết năm 2029 (Ảnh minh họa – Nguồn từ Internet)

3. Các chương của Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu

(i) Chương 25

Mã hàng 2520: Thạch cao; Thạch cao khan; Thạch cao plaster, đã hoặc chưa nhuộm màu, có hoặc không thêm một lượng nhỏ chất xúc tác hoặc chất ức chế.

(ii) Chương 26

- Mã hàng 2618: Xỉ hạt (xỉ cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép.

- Mã hàng 2619: Xỉ, xỉ luyện kim (trừ xỉ hạt), vụm xỉ và các phế thải khác từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép.

- Mã hàng 2620: Xỉ, tro và cặn (trừ loại thu được từ quá trình sản xuất sắt hoặc thép), có chứa kim loại, arsen hoặc các hợp chất của chúng.

(iii) Chương 38

Mã hàng 3818: Các nguyên tố hóa học đã được kích tạp dùng trong điện tử ở dạng đĩa, tấm mỏng hoặc các dạng tương tự; các hợp chất hóa học đã được kích tạp dùng trong điện tử.

(iv) Chương 39

- Mã hàng 3919: Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn.

- Mã hàng 3920: Tấm, phiến, màng, lá, băng và dải khác bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác.

- Mã hàng 3921: Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic.

- Mã hàng 3923: Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic.

(v) Chương 47

Mã hàng 4707: Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa).

(vi) Chương 50

Mã hàng 5003: Tơ tằm phế phẩm (kể cả kén không thích hợp để quay tơ, xơ sợi phế liệu và xơ sợi tái chế).

(vii) Chương 51

- Mã hàng 5103: Tơ tằm phế phẩm (kể cả kén không thích hợp để quay tơ, xơ sợi phế liệu và xơ sợi tái chế).

- Mã hàng5104: Phế liệu lông cừu hoặc lông động vật loại mịn hoặc loại thô, kể cả phế liệu sợi nhưng trừ lông tái chế.

(viii) Chương 52

Mã hàng 5202: Phế liệu bông (kể cả phế liệu sợi và bông tái chế).

(ix) Chương 55

Mã hàng 5505: Phế liệu (kể cả phế liệu xơ, phế liệu sợi và nguyên liệu tái chế) từ xơ nhân tạo.

(x) Chương 63

Mã hàng 6310: Vải vụn, mẩu dây xe, chão bện (cordage), thừng và cáp đã qua sử dụng hoặc mới và các phế liệu từ vải vụn, dây xe, chão bện (cordage), thừng hoặc cáp, từ vật liệu dệt.

(xi) Chương 70

Mã hàng 7001: Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn khác, trừ thủy tinh từ ống đèn tia ca-tốt hoặc thủy tinh hoạt tính khác thuộc nhóm 85.49; thủy tinh ở dạng khối.

(xii) Chương 72

Mã hàng 7204: Phế liệu và mảnh vụn sắt; thỏi đúc phế liệu nấu lại từ sắt hoặc thép.

(xiii) Chương 74

Mã hàng 7404: Phế liệu và mảnh vụn của đồng.

(xiv) Chương 75

Mã hàng 7503: Phế liệu và mảnh vụn niken.

(xvi) Chương 76

Mã hàng 7602: Phế liệu và mảnh vụn nhôm.

(xvii) Chương 79

Mã hàng 7902: Phế liệu và mảnh vụn kẽm.

(xviii) Chương 80

Mã hàng 8002: Phế liệu và mảnh vụn thiếc.

(xix) Chương 81

- Mã hàng 8101: Vonfram và các sản phẩm làm từ vonfram, kể cả phế liệu và mảnh vụn.

- Mã hàng 8102: Molypđen và các sản phẩm làm từ molypđen, kể cả phế liệu và mảnh vụn.

- Mã hàng 8104: Magiê và các sản phẩm của magiê, kể cả phế liệu và mảnh vụn.

- Mã hàng 8108: Titan và các sản phẩm làm từ titan, kể cả phế liệu và mảnh vụn.

- Mã hàng 8109: Zircon và các sản phẩm làm từ zircon, kể cả phế liệu và mảnh vụn.

- Mã hàng 8110: Antimon và các sản phẩm làm từ antimon, kể cả phế liệu và mảnh vụn.

- Mã hàng 8111: Mangan và các sản phẩm làm từ mangan, kể cả phế liệu và mảnh vụn.

- Mã hàng 8112: Beryli, crôm, hafini, reni, tali, cađimi, germani, vanadi, gali, indi và niobi (columbi), và các sản phẩm từ các kim loại này, kể cả phế liệu và mảnh vụn.

H. Thủy *(Nguồn: https://thuvienphapluat.vn/)*